TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

B¶n ¸n sè: 74/2022/HNGS-ST
Ngµy 30-9-2022
V/v "Tranh chấp
Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Vân

**Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Đỗ Văn Ngôn
2. Bà Nguyễn Thị Lại

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Tuyên- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên.

- Đại diện VKSND huyện Việt Yên tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Công- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 189/2022/TLST-HNGĐ ngày 16/6/2022 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 246/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** *Chị Lê Thị T, sinh năm 1991 (có đơn xin xét xử vắng mặt)*

Nơi cư trú: Thôn Đan Nhiễm, xã Khánh Hà, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

**** Bị đơn:*** *Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1984 (vắng mặt)*

Nơi cư trú: Thôn Tam Tầng, xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 20/7/2022, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Ngọc T kết hôn ngày 18/9/2013, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quang Châu, huyện Việt Yên. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau ở thôn Tam Tầng, xã Quang Châu. Ban đầu vợ chồng hạnh phúc được một năm. Đến tháng 9/2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, anh T không chịu làm ăn, ham chơi, có quan hệ bất chính bên ngoài, hai vợ chồng có cãi vã nhau, gia đình hai bên đều biết và can thiệp hòa giải nhưng anh T không chịu cải sửa, làm ăn, vợ chồng không cải thiện được. Chị và con đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Đan Nhiễm, xã Khánh Hà

từ tháng 9/2015. Hai vợ chồng chị ly thân nhau từ đó cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Nguyễn Trang Linh, sinh ngày 06/02/2014. Hiện con chung đang ở với chị do chị nuôi dưỡng từ nhỏ cho đến nay được học hành, phát triển bình thường, anh T không quan tâm, thăm nom chăm sóc con chung. Ly hôn chị nhận nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Hiện chị đang nhân viên văn phòng thu nhập trung bình một tháng 8.000.000đồng. Thời gian làm việc giờ hành chính từ 8 giờ đến 17 giờ chiều, chị được nghỉ thứ 7, chủ nhật. Chị ở với bố mẹ đẻ có nhà đất, chị có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung. Anh T chỉ chơi bời, không chịu làm ăn, không có công ăn việc làm, không có thu nhập, không có điều kiện để nuôi dưỡng con chung.

Tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Vợ chồng chị không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, chị Lê Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Đối với anh Nguyễn Ngọc T là bị đơn trong vụ án mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các giấy tờ nhưng tại các buổi hòa giải, làm việc của Tòa án anh T đều vắng mặt không có lý do và Tòa án đã thông báo cho anh T về việc các chứng cứ Tòa án đã thu thập có trong vụ án, quyết định yêu cầu cung cấp bản tự khai trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị T và cung cấp các tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án nếu có yêu cầu nhưng anh T không có ý kiến gì và không cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho quyền lợi của mình.

Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Ngọc T vắng mặt.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị T chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn anh T không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình; Khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

Về con chung: Giao cho chị Lê Thị T nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Trang Linh, sinh ngày 06/02/2014. Vấn đề cấp dưỡng chị T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị T và anh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh T có nơi cư trú: thôn Tam Tầng, xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang nên Tòa án nhân dân huyện Việt Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn chị T vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T, anh T.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn và giải quyết con chung của nguyên đơn chị Lê Thị T. Hội đồng xét xử thấy:

* Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị T và anh T xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quang Châu, huyện Việt Yên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, chị T và anh T có một thời gian chung sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không hợp nhau, hai vợ chồng cãi vã nhau. Tại biên bản lấy lời khai của chị T, chị xác định mâu thuẫn của hai vợ chồng thì gia đình hai bên đều biết và can thiệp hòa giải nhưng vợ chồng không cải thiện. Hai vợ chồng chị ly thân nhau từ tháng 9/2015 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau. Tòa án tiến hành giao các văn bản tố tụng cho anh T, thông báo hòa giải anh T cũng không đến để Tòa án hòa giải về tình cảm vợ chồng.

Tại biên bản làm việc với chính quyền địa phương cũng xác định vợ chồng chị T, anh T cuối năm 2015 có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống hàng ngày, sau khi có mâu thuẫn chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ đó cho đến nay không thấy chị T quay về chung sống với anh T. Xét mâu thuẫn giữa chị T, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Chị T xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Trang Linh, sinh ngày 06/02/2014. Hiện nay con chung đang ở với chị T. Ly hôn chị nhận tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện chị đang nhân viên văn phòng thu nhập trung bình một tháng 8.000.000đồng. Thời gian làm việc giờ hành chính từ 8 giờ đến 17 giờ chiều, chị được nghỉ thứ 7, chủ nhật. Chị ở với bố mẹ đẻ có nhà đất, chị có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung. Tại bản tự khai của cháu Linh có nguyện vọng được ở với mẹ. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy hiện cháu Linh đang ở với chị T và có nguyện vọng ở với mẹ, chị T có thu nhập, có đủ điều kiện để chăm sóc con chung nên cần chấp nhận yêu cầu xin nuôi dưỡng con chung của chị T và giao cháu Linh cho chị T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

là phù hợp với Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu Linh. Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Ngọc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh T thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

* Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

* Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình;

Điều 28; Điều 35; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Nguyễn Ngọc T.

2. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị T nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Trang Linh, sinh ngày 06/02/2014. Vấn đề cấp dưỡng chị T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Ngọc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh T thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

3. Án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0006668 ngày 27/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên. Xác nhận chị Lê Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS Việt Yên;
- UBND xã Quang Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân